

CỤC TIÊU CHUẨN - ĐO LƯỜNG - CHẤT LƯỢNG
(Department for Standard, Metrology and Quality)
TRUNG TÂM ĐO LƯỜNG
(Metrology Center)

(ĐK 35)

Địa chỉ (Add): Số 11 Hoàng Sâm - Nghĩa Đô - Cầu Giấy - Hà Nội
Điện thoại (Tel): 024.38361108 Fax: 024.37563660

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
(Calibration Certificate)

Số (N^o): **3913**

Tên phương tiện đo (Object): Lò nhiệt chuẩn

Kiểu (Type): Fluke 9170

Số (Serial N^o): B95379

Nơi sản xuất (Manufacturer): Fluke

Đặc tính kỹ thuật (Technical Specification): Phạm vi làm việc: (- 45 đến 140) °C
Độ phân giải: 0,001 °C

Cơ sở sử dụng (Customer): Công ty TNHH Đảm bảo Chất lượng Việt Nam
ĐC: Phòng 406, tầng 4, 130 Nguyễn Đức Cảnh, P. Tương Mai, Q. Hoàng Mai, Hà Nội

Phương pháp thực hiện (Method of Calibration):

Điều kiện môi trường (Environmental Conditions): A1-04.PP01.03

Nhiệt độ/Temperature: 22 °C, Độ ẩm/Humidity: 70 %RH

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

Thiết bị chỉ thị nhiệt độ chuẩn TTI2; U = 6 ppm
Nhiệt kế điện trở chuẩn Fluke 5628; U = 0,005 °C
Nhiệt kế điện trở chuẩn Fluke 5615; U = 0,025 °C
(Được liên kết chuẩn tại Viện Đo lường Việt Nam)

Kết quả (Results):

Xem trang sau

Ngày hiệu chuẩn (Date of Cal.): 27-05-2021

Số tem hiệu chuẩn (N^o of Cal. Label): 17225

Ngày khuyến nghị hiệu chuẩn tới (Recalibration Recommended): 31-05-2022

Trưởng phòng thí nghiệm
(Head of Calibration Laboratory)

Hà Nội, ngày 24 tháng 6 năm 2021

GIÁM ĐỐC
(Director)



Luyện Thanh Tùng

Đại tá Lê Duy Quý

Trang: 1
(N^o of pages):

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Đo lường

(This certificate shall not be reproduced except in full, without the written approval of Metrology Center)

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

(Calibration results)

STT	Điểm kiểm tra, °C	Giá trị chỉ thị, °C	Giá trị chuẩn, °C	Số hiệu chỉnh, °C
1	- 25,000	- 25,000	- 24,975	0,025
2	- 20,000	- 20,000	- 19,933	0,067
3	- 10,000	- 10,000	- 10,025	- 0,025
4	- 5,000	- 5,000	- 5,026	- 0,026
5	0,000	0,000	- 0,049	- 0,049
6	5,000	5,000	4,960	- 0,040
7	20,000	20,000	19,988	- 0,012
8	37,000	37,000	36,984	- 0,016
9	70,000	70,000	69,995	- 0,005
10	105,000	105,000	104,937	- 0,063
11	130,000	130,000	129,951	- 0,049

STT	Điểm kiểm tra, °C	Độ ổn định, °C	Độ đồng đều, °C		Độ KĐBĐ mở rộng, °C
			Dọc trục 40 mm	Xuyên tâm	
1	- 25,000	0,002	0,039	0,013	0,06
2	- 20,000	0,002	0,014	0,020	0,06
3	- 10,000	0,003	0,016	0,007	0,06
4	- 5,000	0,003	0,022	0,007	0,06
5	0,000	0,002	0,012	0,006	0,06
6	5,000	0,001	0,004	0,004	0,06
7	20,000	0,001	0,003	0,001	0,06
8	37,000	0,002	0,001	0,017	0,06
9	70,000	0,001	0,005	0,028	0,06
10	105,000	0,001	0,011	0,034	0,06
11	130,000	0,001	0,020	0,041	0,06

Độ không đảm bảo đo mở rộng được xác định với $k = 2$, $P = 95\%$.